TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2018/DS-PT
Ngày: 29 - 6 -2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyện là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dễ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2018/TLPT- DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2018/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 117/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Kiều Tr , sinh năm 1985 (Có mặt)
Địa chỉ : Xã H, huyện C, tỉnh C .
- *Bị đơn*: 1. Ông Lư Thái S , sinh năm 1954 (Có mặt)
2. Bà Đặng Thị L , sinh năm 1958
Cùng địa chỉ: Phường A, thành phố C, tỉnh C
Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của bà Đặng Thị L : Ông Lư Thái S (Văn bản ủy quyền ngày 23/8/2017).
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lư Thái S : Ông Trần Dân Quốc, là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Bà Nguyễn Thị Bé T , sinh năm 1960 (Có mặt)
Địa chỉ: Xã H, huyện C, tỉnh C .
2. Anh Lư Thế Ng , sinh năm 1984 (Vắng mặt)
3. Anh Lư Tỷ Ph , sinh năm 1994
4. Chị Sơn Mộng Th
Cùng địa chỉ: Phường A, thành phố C, tỉnh C .
Đại diện hợp pháp của chị Thùy, anh Phú: Ông Lư Thái S (Văn bản ủy quyền ngày 08/9/2017 và ngày 06/9/2017).

5. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C .

Địa chỉ: Phường B, thành phố C, tỉnh C

Đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của Chi cục trưởng Chi cục thi hành hành án dân sự thành phố Cà Mau: Ông Bùi Việt Bắc, chức vụ: Chấp hành viên sơ cấp của Chi cục Thi hành hành án dân sự thành phố Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 05/02/2018, vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Lư Thái S và bà Đặng Thị L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo chị Lương Kiều Tr trình bày: Vào ngày 30/5/2011 dương lịch, chị Tr với vợ chồng ông S và bà L có ký hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản để ông S và bà L vay của chị Trsố tiền vốn 290.000.000 đồng; hợp đồng có ghi lãi suất thỏa thuận theo quy định của Nhà nước nhưng thực tế thỏa thuận ngoài là 6%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, có thế chấp tài sản là phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 133682 được Uỷ ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 31/3/2005, do ông Lư Thái S và bà Đặng Thị L đứng tên, diện tích 292,0m^2 thuộc thửa 136, tờ bản đồ số 24 toạ lạc tại Phường A, thành phố C . Hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản được công chứng ngày 31/5/2011. Do giữa chị và vợ chồng ông S , bà L không quen biết với nhau nên ông S có nhờ mẹ chị là bà Nguyễn Thị Bé T bão lãnh, ông S tự thoả thuận lãi suất vay là 6%/tháng nên giữa chị với ông S , bà L và bà T có ký riêng hợp đồng thế chấp nhà đất ngày 29/5/2011 dương lịch có nội dung bà T bảo lãnh khoản nợ lãi của ông S và bà L . Trong thời gian vay, ông S bà L không đóng lãi cũng không trả vốn nên bà T đã trả lãi cho chị từ ngày vay đến ngày 30/9/2012 dương lịch là 16 tháng với số tiền là 278.400.000 đồng. Từ đó đến nay, ông S , bà L và bà T không trả cho chị thêm khoản tiền nào khác.

Chị Tryêu cầu ông S và bà L thanh toán cho chị số tiền vốn là 290.000.000 đồng, tính lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng từ ngày 30/9/2012 dương lịch đến ngày 23/3/2018 dương lịch là 65 tháng 23 ngày bằng 214.575.000 đồng; tổng cộng cả vốn và lãi là 504.575.000 đồng.

Đối với số tiền lãi 278.400.000 đồng bà T đã trả thay ông S và bà L , sau khi đối trừ với khoản tiền mà bà T yêu cầu Tòa án giải quyết, số tiền lãi bà T đã trả thừa cho chị, bà T và chị tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Vụ án này đã được Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm lần thứ nhất theo bản án dân sự sơ thẩm số 146/2012/DS-ST ngày 21/12/2012 và được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm tại Bản án số 93/2013/DS-PT ngày 29/5/2013. Sau khi bản án phúc thẩm số 93/2013/DS-PT ngày 29/5/2013 có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cà Mau phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án, chị đã trúng đấu giá mua lại tài sản thế chấp với số tiền 820.000.000 đồng, chị đã thanh toán đủ số tiền 820.000.000 đồng, cơ quan thi hành án đang giữ số tiền này, nhưng cho đến nay ông S , bà L và cơ quan thi hành án chưa giao nhà đất cho chị. Chị Tr yêu cầu cơ quan thi hành án giao tài sản chị đã mua trúng đấu giá là căn nhà và đất của ông S và bà L theo hợp đồng bán đấu giá tài sản.

Theo ông Lư Thái S trình bày: Ông xác định Hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản lập ngày 30/5/2011, được công chứng ngày 31/5/2011 do ông và bà L ký tên và Hợp đồng thế chấp nhà đất ngày 29/5/2011 dương lịch là do ông viết, bà L và ông cùng ký tên. Tại nội dung hai bản hợp đồng này có thể hiện vợ chồng ông vay của chị Trsố tiền 290.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng; bà T là người bảo lãnh đóng lãi hàng tháng, nhưng thực tế vợ chồng ông không vay của chị Tr 290.000.000 đồng mà vay tiền của bà Tám, vay nhiều lần tổng cộng 100.000.000 đồng vốn, do không đóng lãi nên bà T tổng kết còn nợ 190.000.000 đồng tiền lãi; tổng cộng vốn, lãi là 290.000.000 đồng. Mỗi lần vay ông đều viết biên nhận nhận nợ, hiện nay các biên nhận nợ không còn. Vào ngày 29/5/2011 dương lịch, bà T dẫn theo nhiều người ép buộc ông viết bản Hợp đồng thế chấp nhà đất, đồng thời ép buộc ông và bà L ký tên vào bản Hợp đồng thế chấp nhà đất và bản Hợp đồng vay tiền có thế chấp nhà đất tại quán cà phê gần cơ quan công chứng. Lúc vay tiền, vợ chồng ông bà có thế chấp cho bà T quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 133682 diện tích 292,0m^2 được Uỷ ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 31/3/2005 đứng tên ông Lư Thái S và bà Đặng Thị L ; bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho bà T giữ. Vợ chồng ông không thế chấp tài sản cho chị Tr . Từ khi lập hai bản hợp đồng này cho đến nay, vợ chồng ông chưa trả cho bà T khoản nợ vốn và lãi nào. Ông chỉ đồng ý thanh toán cho bà T 100.000.000 đồng vốn và lãi theo quy định của nhà nước.

Vụ án này đã được Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm lần thứ nhất theo bản án dân sự sơ thẩm số 146/2012/DS-ST ngày 21/12/2012 và được Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm tại Bản án số 93/2013/DS-PT ngày 29/5/2013. Sau khi bản án phúc thẩm số 93/2013/DS-PT ngày 29/5/2013 có hiệu lực pháp luật, cơ quan thì hành án đã kê biên phát mãi nhà và đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 133682 do Uỷ ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 31/3/2005, đứng tên Lư Thái S và bà Đặng Thị L , có diện tích 292,0m^2 được, đất thuộc thửa 136, tờ bản đồ số 24 toạ lạc tại Phường A, thành phố C . Theo thông báo của cơ quan bán đấu giá, chị Trđã trúng đấu giá mua lại với giá 820.000.000 đồng, đến nay vợ chồng ông vẫn chưa giao nhà, đất đã phát mãi cho cơ quan thi hành án nên cơ quan thi hành án chưa giao nhà đất cho chị Trđược. Ông không đồng ý phát mãi tài sản thế chấp để thi hành án này vì hiện nay ông còn đang đợi kết quả giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ tư pháp về việc khiếu nại quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Ngoài việc tranh chấp hợp đồng vay với chị Trtrong vụ án này, ông và bà L còn phải thi hành Bản án phúc thẩm số 151 năm 2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và Quyết định hòa giải thành số 90 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tại Chi cục thi hành án dân dân sự Thành phố Cà Mau.

Theo bà Nguyễn Thị Bé T trình bày: Trước khi ông S vay số tiền 290.000.000 đồng của chị Tr , ông S có vay tiền của bà nhiều lần nhưng đã thanh toán xong. Vào ngày 29/5/2011, ông S có nhờ bà bảo lãnh để trả số tiền vay 290.000.000 đồng của chị Tr . Việc vay tiền và nhờ bà bảo lãnh được lập thành Hợp đồng thế chấp nhà đất ngày 29/5/2011 dương lịch, bản Hợp đồng này do ông S tự viết, ông S và bà L cùng ký tên. Trong quá trình vay, ông S không trả vốn,

cũng không trả lãi cho chị Trnên bà đã đứng ra trả lãi cho chị Tr 16 tháng, tính từ ngày 30/5/2011 dương lịch cho đến ngày 30/9/2012 dương lịch, với lãi suất là 6%/tháng; tổng cộng bà đã trả lãi cho chị Tr 278.400.000 đồng. Từ ngày 30/9/2011 cho đến nay, ông S và bà L chưa trả lại cho bà khoản tiền nào. Bà T yêu cầu vợ chồng ông S phải trả lại cho bà số tiền lãi mà bà đã trả thay với số tiền là: 290.000.000 đồng vốn x lãi suất 1,125%/tháng x 16 tháng = 52.200.000 đồng; đồng thời, yêu cầu vợ chồng ông S phải trả lãi trên số tiền 52.200.000 đồng mà bà đã trả cho Tr, tính từ ngày 30/9/2012 đến 30/01/2018 là 64 tháng, mức lãi 1,125%/tháng bằng 37.584.000 đồng; tổng cộng hai khoản là 89.784.000 đồng. Đối với số tiền lãi 278.400.000 đồng bà đã thay ông S và bà L trả cho chị Tr , sau khi đối trừ với khoản tiền 89.784.000 đồng nêu trên, số tiền lãi đã trả thừa cho chị Tr bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào có tranh chấp bà sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Theo đại diện hợp pháp của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cà Mau trình bày: Ông S phải thi hành 03 bản án: Bản án phúc thẩm số 93/2013/DS-PT ngày 29/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, bản án phúc thẩm số 151/2013/DS-PT ngày của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và Quyết định hòa giải thành số 90 ngày 29/7/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau với tổng giá trị phải thi hành là 1.150.800.000 đồng.

Để thi hành bản án số 93/2013/DS-PT ngày 29/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau đã tiến hành cưỡng chế kê biên tài sản của ông Lư Thái S và bà Đặng Thị L là căn nhà và đất tọa lạc tại số Phường A, thành phố C diện tích 199.2m^2 để xử lý tài sản thế chấp. Cơ quan thi hành án đã kết hợp với Cơ quan đấu giá tiến hành bán đấu giá phần nhà đất nêu trên theo quy định của pháp luật, chị Tr trúng đấu giá mua với số tiền 820.000.000 đồng. Sau khi bán đấu giá thành, Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cà Mau tạm dừng việc thi hành án theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau đối với các hồ sơ có dấu hiệu liên quan đến các đường dây cho vay nặng lãi để chờ cơ quan có thẩm quyền xác minh làm rõ. Trong thời gian này, ông S có tiến hành sửa nhà nên Cục Thi hành án tỉnh Cà Mau ra quyết định hành chính xử phạt về hành vi này của ông S. Nhưng bản án phúc thẩm số 93/2013/DS-PT ngày 29/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã bị Quyết định giám đốc thẩm số 92/2017/DS-GĐT ngày 26/5/2017 của Tòa án cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh hủy. Theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật thi hành án dân sự thì cơ quan Thi hành án vẫn tiếp tục giao tài sản trúng đấu giá cho chị Tr , nhưng đến thời điểm hiện nay Cơ quan Thi hành án chưa giao tài sản bán đấu giá cho chị Tr .

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc của ông Lư Thái S và bà Đặng Thị L , Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cà Mau đang quản lý. Trường hợp nếu ông S , chị Tr và Cơ quan thi hành án thỏa thuận hủy kết quả bán đấu giá tài sản nêu trên thì Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cà Mau vẫn giữ lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Lư Thái S và bà Đặng Thị L để thi hành bản án số 151/2013/DS-PT ngày 06/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và Quyết định hòa giải thành số 90/2015/QĐST-DS ngày 29/7/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Trường hợp ông S thanh toán xong tiền vay cho chị Tr hoặc kết quả xét xử sau này có thay đổi so với bản án phúc thẩm số

93/2013/DS-PT ngày 29/5/2013 thì Cơ quan thi hành án vẫn tiếp tục giao tài sản bán trúng đấu giá cho chị Trtheo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật thi hành án, số tiền đã bán trúng đấu giá 820.000.000 đồng được tiếp tục giữ lại để thi hành bản án phúc thẩm số 151/2013/DS-PT ngày 06/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và Quyết định hòa giải thành số 90/2015/QĐST-DS ngày 29/7/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, nếu còn thừa sẽ trả lại cho ông S và bà L .

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Toà án; các Điều 12, 26, 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Kiều Tr .

Buộc ông Lư Thái S và bà Đặng Thị L thanh toán cho chị Lương Kiều Tr số tiền 504.455.000 đồng (trong đó vốn 290.000.000 đồng, lãi 214.455.000 đồng).

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Bé T .

Buộc ông Lư Thái S và bà Đặng Thị L thanh toán cho bà Nguyễn Thị Bé T số tiền 52.200.000 đồng .

Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Bé T số tiền lãi 38.678.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06/4/2018, ông Lư Thái S và bà Đặng Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của chị Lương Kiều Tr và bà Nguyễn Thị Bé T . Ông, bà chỉ đồng ý trả cho bà T 100.000.000 đồng tiền vốn và lãi theo quy định pháp luật.

Ngày 25/6/2018, ông S và bà L có đơn bổ sung đơn kháng cáo: Đồng ý trả cho bà T số tiền 100.000.000 đồng vốn, tiền lãi tính theo Nhà nước quy định được trừ thời gian ông bà tự nguyện nộp tiền thi hành án do bà T không nhận, thời gian được đình chỉ thi hành án và huỷ án; Huỷ toàn bộ các Quyết định và văn bản có liên quan đến việc thi hánh án, việc bán đấu giá tài sản; chuyển hồ sơ khởi tố hình sự nhằm triệt xoá đường dây tổ chức tín dụng đen của bà Nguyễn Thị Bé T ; làm rõ những cá nhân, cơ quan ký công chứng, xác nhận trong giấy nợ, giấy hợp đồng giữa vợ chồng ông bà với chị Tr ; làm rõ việc Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C và chấp hành viên Thi hành án bất chấp pháp luật, lợi dụng chức vụ quyền hạn, vu khống, nhục mạ danh dự, kết tội, xử phạt ông bà để lấy tài sản nhà đất của ông bà giao cho đường dây tín dụng đen.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư cộng tác viên trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S phát biểu: Cấp sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp để buộc ông S trả nợ cho chị Tr là chưa thoả đáng; Ông S cho rằng vay tiền của bà T là có căn cứ vì hồ sơ thể hiện tờ giấy do ông S cung cấp có ghi tên Tr do bà T viết cho ông S ; hợp đồng thế chấp nhà đất chỉ là giấy thoả thuận các bên chứ không chứng minh việc ông S nhận tiền, hợp đồng ghi việc giao nhận tiền có biên nhận nhưng

không có biên nhận nhận tiền của ông S ; về thời gian tính lãi, cấp sơ thẩm không trừ thời gian giám đốc thẩm là chưa đúng. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông S .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên toà đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông S và và L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Lư Thái S và bà Đặng Thị L thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông S đều thừa nhận Hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản ngày 30/5/2011 (công chứng ngày 31/5/2011) và Hợp đồng thế chấp nhà đất ngày 29/5/2011 là do ông và bà L ký tên; chữ viết trong Hợp đồng thế chấp nhà đất ngày 29/5/2011 là do ông tự viết. Nhưng ông S cho rằng ông và bà L không có vay tiền của chị Tr mà vay của bà T số tiền vốn 100.000.000 đồng, tiền lãi 190.000.000 đồng; bà T nhập lãi vào vốn thành 290.000.000 đồng và ép buộc ông ký vào các hợp đồng nêu trên.

Tại hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản ngày 30/5/2011 có nội dung: Bên cho vay (gọi tắt là bên A) là Lương Kiều Tr ; bên vay (gọi tắt là bên B) là Lư Thái S và Đặng Thị L . Bên A cho bên B vay số tiền là 290.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá quy định của Nhà nước. Thời gian vay 01 năm. Bên B đã nhận tiền vay của bên A là 290.000.000 đồng vào ngày 30/5/2011…

Tại bản Hợp đồng đồng thế chấp nhà đất ngày 29/5/2011 do ông S viết, có nội dung: Nay vợ chồng tôi có nhờ em Nguyễn Thị Bé T hỏi giùm số tiền của Lương Kiều Tr , ấp Lý Ấn, xã Hưng Mỹ số tiền là 290.000.000 đồng, lãi 6% trên tháng, mỗi tháng tôi đóng lãi 17.400.000 đồng, tôi nhờ em Bé Tám đóng lãi hàng tháng ...; ông S và bà L ký tên người nhận tiền, chi Tr ký tên người đưa tiền,bà T ký tên người bảo lãnh.

Về phía ông S , trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ gì chứng minh ông vay của bà T số tiền vốn 100.000.000 đồng, tiền lãi 190.000.000 đồng; bà T nhập lãi vào vốn thành 290.000.000 đồng và ép buộc ông ký vào các hợp đồng nêu trên như ông S trình bày. Tại tờ giấy có ghi các con số do ông S cung cấp có trong hồ sơ và thẻ nhớ ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông S với bà T cũng không thể hiện nội dung ông S vay của bà T 100.000.000 đồng vốn, lãi còn thiếu 190.000.000 đồng, bà T nhập lãi vào vốn thành 290.000.000 đồng. Từ phân tích trên, có căn cứ chứng minh ông S và bà L vay của chị Trsố tiền vốn 290.000.000 đồng; bà T là người bảo lãnh nợ lãi của ông S và bà L .

Trong quá trình vay, ông S và bà L không thanh toán lãi cho chị Tr nên bà T đã thanh toán lãi cho chị Trthay cho ông S và bà L từ ngày 30/5/2011 đến ngày 30/9/2012; từ ngày 01/10/2012 trở về sau ông S và bà L không thanh toán vốn, lãi cho chị Tr . Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị Trbuộc ông S và bà L

trả cho chi Tr số tiền vốn 290.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 01/10/2012 đến ngày 23/3/2018 (là 65 tháng 22 ngày) với mức lãi suất 1,125%/tháng bằng 214.455.000 đồng, tổng cộng vốn lãi bằng 504.455.000 đồng; buộc ông S và bà L trả cho bà T số tiền lãi đã trả thay cho chị Tr từ ngày 30/5/2011 đến ngày 30/9/2012 (là 16 tháng) của số tiền vốn 290.000.000 đồng theo mức lãi suất 1,125%/tháng bằng 52.200.000 đồng là có căn cứ.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông S và bà L huỷ toàn bộ các Quyết định và văn bản có liên quan đến việc thi hánh án, việc bán đấu giá tài sản, chuyển hồ sơ khởi tố hình sự đường dây tổ chức tín dụng đen của bà Nguyễn Thị Bé T , xét thấy không có căn cứ nên không được chấp nhận; đối với yêu cầu làm rõ những cá nhân, cơ quan ký công chứng, xác nhận trong giấy nợ, giấy hợp đồng giữa vợ chồng ông bà với chị Tr ; làm rõ việc Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C và Chấp hành viên thi hành án bất chấp pháp luật, lợi dụng chức vụ quyền hạn, vu khống, nhục mạ danh dự, kết tội, xử phạt ông bà để lấy tài sản nhà đất của ông bà giao cho đường dây tín dụng đen xét thấy không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên không đặt ra xem xét.

[3] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông S và bà L , giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm ông S và bà L được miễn chịu án phí.

[5] Những quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lư Thái S và bà Đặng Thị L .

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 35/2018/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Kiều Tr .

Buộc ông Lư Thái S và bà Đặng Thị L trả cho chị Lương Kiều Tr số tiền 504.455.000 đồng (Năm trăm lẻ bốn triệu bốn trăm năm mươi lăm ngàn đồng), trong đó vốn 290.000.000 đồng, lãi 214.455.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Bé T . Buộc ông Lư Thái S và bà Đặng Thị L trả cho bà Nguyễn Thị Bé T số tiền 52.200.000 đồng (Năm mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Bé T yêu cầu ông Lư Thái S và bà Đặng Thị L trả số tiền lãi 38.678.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông S và bà L được miễn chịu án phí. Bà Nguyễn Thị Bé T phải chịu 1.933.900 đồng. Ngày 30/10/2017, bà T đã dự nộp 6.960.000 đồng theo biên lai thu số 0003876 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C , đối trừ bà T được nhận lại 5.026.100 đồng. Chị Trkhông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị Tr đã dự nộp 7.250.000 đồng theo biên lai thu số 0003456 ngày 25/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm ông S và bà L được miễn chịu án phí.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập